

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 995/2024/HS-PT

Ngày: 19- 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Hoàng Mạnh Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 998/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ và các bị cáo khác bị xét xử về tội “Cướp tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 395/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; giới tính: nam; nơi ĐKKHKT: số 2/18/35/201 đường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: - Bản án số 126/STHS ngày 12/8/1987, Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”;

- Ngày 21/8/1996 bị Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép;

- Bản án số 58/2008/HSST ngày 23/9/2008, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”;

- Ngày 26/12/2019 bị Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Xâm phạm sức khỏe của người khác.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2023 đến nay; có mặt.

2. Vũ Minh T (Vũ Văn T), sinh năm 1965; giới tính: nam; nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Đào Thị T; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 225/HSST ngày 13/7/1992, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến ngày 27/8/2022; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; giới tính: nữ; nơi ĐKKHKT: thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị T; đã ly hôn chồng và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến nay (Trại tạm giam số 2); có mặt.

4. Trần Thị L, sinh năm 1975; giới tính: nữ; nơi ĐKKHKT: số 73 đường C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị L; đã ly hôn chồng và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến ngày 27/12/2023; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Luật sư Nguyễn Quang T, thuộc Văn phòng Luật sư Á, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Vũ Minh T: Luật sư Nguyễn Quang T và Luật sư Từ Xuân C, thuộc Văn phòng Luật sư Á, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Luật sư Nguyễn Thị T, thuộc Công ty Luật TNHH T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

4. Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L: Luật sư Nguyễn Thế T, thuộc Công ty Luật TNHH M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Trong vụ án còn có bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị H1 quen biết với Nguyễn Thị H và Trần Thị L. Khoảng tháng 5/2021, do cần tiền để đầu tư kinh doanh đồng tiền kỹ thuật số trên mạng Internet nên chị H1 nhiều lần vay của H, với tổng số tiền là 1.160.000.000 đồng, các lần cho chị H1 vay tiền, H đều chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị H1 và chị H1 đã viết 01 giấy biên nhận vay tiền của H, với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Khoảng tháng 11 - 12/2021, chị H1 02 lần vay của Trần Thị L với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay được của H và L, chị H1 sử dụng để đầu tư

kinh doanh tiền kỹ thuật số trên trang Web “OS.com” và “8K.com”. Quá trình đầu tư kinh doanh, do trang Web này bị đánh sập nên chị H1 không rút được tiền để trả lại cho H theo như thỏa thuận. Khi H và L đòi tiền, chị H1 cam kết sẽ trả hết nợ vào ngày 04/01/2022. Gần đến ngày hẹn trả tiền, H gọi điện thoại cho chị H1 nhiều lần nhưng không liên lạc được.

Ngày 03/01/2022, H gọi điện thoại rủ L về thành phố Hà Nội đòi tiền chị H1 thì L đồng ý đi cùng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại nhờ Vũ Minh T điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Vios màu trắng, biển kiểm soát 15A-896.44 chở H và L đi từ thành phố Hải Phòng về thành phố Hà Nội, gặp chị H1 đòi tiền. T đồng ý và rủ thêm Nguyễn Văn Đ cùng một người đàn ông tên Vũ Hồng Q (không rõ địa chỉ cụ thể, là bạn xã hội của T) đi cùng. Khi xuất phát từ thành phố Hải Phòng, T là người điều khiển xe ô tô; Đ ngồi ghế bên phụ; H, L và Q ngồi ở hàng ghế phía sau của xe ô tô. Đi đến trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thì Q lên điều khiển xe ô tô, còn T xuống ghế phía sau ngồi cùng H và L. Quá trình ngồi trên xe ô tô di chuyển về Hà Nội, H và L nói chuyện cho mọi người biết về việc chị H1 nợ H số tiền 1.200.000.000 đồng, nợ của L số tiền 600.000.000 đồng. H nói *“Nếu hôm nay H1 không trả tiền thì nhờ T và Đ hỗ trợ, nói to cho hàng xóm biết, làm cho H1 xấu hổ phải trả tiền”*. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Q điều khiển xe đến tòa nhà S2.08, khu đô thị Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm thì H và L xuống xe ô tô, đi thang máy lên căn hộ 2108 của chị H1. T cùng Đ ngồi đợi ở sảnh tầng 1 của tòa nhà, còn Q đi có việc riêng. Khi nghe thấy tiếng gõ cửa, chị H1 đi ra mở cửa cho H và L vào trong phòng khách. Tại phòng khách, H và L yêu cầu chị H1 trả tiền nợ, chị H1 nói *“Tao không có tiền, tiền đâu mà trả”* rồi đi vào trong phòng ngủ để thay áo khoác. Lúc này, H sợ chị H1 bỏ đi nên đã gọi điện thoại cho T và nói *“Anh lên tầng 21 phòng 08 giữ con này cho em, nó trốn mất”*. T nghe điện thoại xong, bảo Đ cùng đi lên phòng của chị H1. Lên đến nơi, L ra mở cửa cho T và Đ vào nhà, đi thẳng đến phòng ngủ; còn H và L đứng ở cửa phòng ngủ. Khi vào phòng, Đ túm tóc, ấn chị H1 ngồi xuống nền nhà và quát *“Sao mày không trả tiền cho em tao”*, đồng thời dùng tay đánh vào đầu chị H1. T cũng túm giật tóc chị H1 và nói *“Mày có trả tiền không?”*. Sau đó, Đ và T cùng túm tóc, kéo tay, đẩy chị H1 ra khu vực bếp, sát với phòng khách. Khi Đ và T lôi chị H1 thì L đi ngay phía trước, còn H đi áp sát phía sau. Đ vừa lôi chị H1, vừa liên tục chửi bới, đe dọa bắt đưa chị H1 về thành phố Hải Phòng. Ra đến khu vực bếp, Đ và T tiếp tục túm tóc chị H1, H đứng phía sau ôm chị H1, còn L đứng ngoài, cầm điện thoại quay Video clips. Chị H1 khóc, van xin H thì Đ nói *“Không xin xỏ... lấy kéo cắt tóc con này”* rồi đi ra khu bếp lấy 01 con dao (bằng kim loại, màu trắng sáng, lưỡi dao dài 28cm, lưỡi dao đầu vuông rộng 07cm, lưỡi dao dài 17cm có chữ SEKI-JAPAN). T vẫn tiếp tục túm tóc, dúi đầu chị H1 và nói *“Có trả tiền không?”*. Đ cầm con dao đi lại chỗ chị H1 chửi *“Con phò này, có trả tiền không”* rồi cầm dao, cùng với T cắt 01 đoạn tóc của chị H1.

Lúc này, L vẫn cầm điện thoại quay Video và nói với Đ “*Từ từ, bỏ dao ra*” thì T đẩy Đ ra khỏi chị H1. Sau đó, Đ bỏ con dao vào khu bếp rồi cầm 01 thanh mài dao (bằng kim loại, màu trắng sáng, hình trụ tròn, dài 28,5cm, tay cầm đường kính 1,9cm, phần mài đường kính 0,8cm) giơ lên dọa đánh chị H1 thì được nhóm H can ngăn. Đ vẫn xông đến chỗ chị H1 đang ngồi dưới sàn nhà, dùng chân phải đạp vào người chị H1. Chị H1 tiếp tục khóc, van xin nhưng Đ và T liên tục chửi bới, yêu cầu chị H1 chuyển tiền vào tài khoản để trả nợ. T nói “*Sao không trả tiền em tao... đưa nó ra Công an*”, Đ nói “*Không phải ra Công an, đưa nó về Hải Phòng*”. L vừa quay Video vừa nói “*Thôi anh ơi, cứ bình tĩnh nói chuyện với nó*”. Sau đó, T túm tóc kéo chị H1 ngồi xuống ghế Sofa ở phòng khách. H cùng T và L đứng vây xung quanh chị H1, T hỏi H và L “*Bây giờ thế nào*” thì L nói “*Bây giờ gọi điện cho anh D*” nhưng Đ bảo “*Không phải gọi cho ai cả, bây giờ bắt nó chuyển tiền vào tài khoản, hai chị em lấy bằng được*”. Đ còn đe dọa nếu chị H1 không trả tiền thì sẽ về tỉnh Thái Bình giết cả nhà chị H1 nhưng chị H1 vẫn nói không có tiền để trả cho H và L. Sau đó, Đ cùng T, H và L túm tay, kéo đẩy chị H1 đi ra thang máy, đưa lên xe ô tô của T đi ra trụ sở Công an xã Đ, huyện G, Hà Nội để trình báo về việc chị H1 nợ tiền nhưng không trả.

Ngày 25/5/2022, Vũ Minh T bị bắt tạm giam; Nguyễn Văn Đ bỏ trốn đến ngày 19/01/2023 bị bắt theo quyết định truy nã; Ngày 31/10/2023, Nguyễn Thị H và Trần Thị L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm bắt tạm giam để điều tra về hành vi Cướp tài sản.

Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng và tiến hành điều tra, làm rõ vụ án cụ thể như sau:

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 04/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm, xác định:

“... Nơi xảy ra vụ án tại phòng 2108, toà nhà S2.08, khu đô thị Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Phòng 2108 có kích thước 64m², có 01 cửa ra vào kích thước (01x2,2)m, đối diện cửa ra vào là phòng khách và ban công, phía Tây Nam là khu vực bếp, phía Đông Bắc là lối đi vào phòng vệ sinh, khu vực phơi quần áo và 02 phòng ngủ. Phòng ngủ hướng Tây Bắc và phòng ngủ hướng Đông Nam đều có kích thước 12m², mỗi phòng có cửa ra vào kích thước (2,2x0,8)m. Quá trình khám nghiệm, chị Trần Thị H1, Nguyễn Thị H và Trần Thị L đã trình bày diễn biến vụ việc và trực tiếp chỉ tay vào các vị trí. Xác định: Vị trí chị H1 bị Nguyễn Văn Đ và Vũ Minh T đánh, túm tóc lôi ra ngoài (1); Vị trí để con dao bằng kim loại sáng màu mà Đ lấy để đe dọa chị H1 (2); Vị trí chị H1 bị T và Đ túm tóc, dùng dao cắt tóc chị H1 (3); Vị trí chị H1 bị T và Đ dùng tay, chân đánh, đạp vào người chị H1 (4)...”

Quá trình khám nghiệm hiện trường và điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ đồ vật, tài liệu như sau:

- Thu giữ do chị Trần Thị H1 giao nộp: 01 con dao bằng kim loại, màu trắng sáng, lưỡi dao dài 28cm, lưỡi dao đầu vuông rộng 07cm, lưỡi dao dài 17cm có chữ SEKI-JAPAN) và 01 thanh mài dao (bằng kim loại, màu trắng sáng, hình trụ tròn, dài 28,5cm, tay cầm đường kính 1,9cm, phần mài đường kính 0,8cm).

- Cơ quan điều tra đã trích xuất hình ảnh lưu giữ tại Camera bảo vệ trong căn hộ của chị Trần Thị H1 và sao lưu vào 01 USB loại Kingston 32Gb, màu đen, bên trong có chứa 02 video hình ảnh, âm thanh tại thời điểm xảy ra sự việc.

- Đối với Video Clip mà Trần Thị L dùng điện thoại quay lại sự việc, do L đã xóa và bán chiếc điện thoại nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định số 449/C09-P6 ngày 24/01/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, về chiếc USB có chứa 02 video ghi hình ảnh, âm thanh thời điểm xảy ra sự việc, kết luận: “... Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video gửi giám định...”

Đối với người đàn ông tên Vũ Hồng Q là bạn của Vũ Minh T đã đi cùng nhóm của T từ thành phố Hải Phòng đến thành phố Hà Nội nhưng không tham gia cùng nhóm của T đánh, bắt ép chị Trần Thị H1 phải trả tiền. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân của Q nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi túm giật tóc, dùng dao cắt tóc, dùng tay tát, dùng chân đạp vào người chị Trần Thị H1 của Nguyễn Văn Đ và Vũ Minh T, thương tích của chị H1 không lớn, mặt khác chị H1 từ chối đi giám định để xác định tỷ lệ tổn hại sức khỏe. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Đ, T về hành vi Cố ý gây thương tích.

Sau khi xảy ra vụ án, các bị can Vũ Minh T và Nguyễn Văn Đ đã tự thỏa thuận, bồi thường cho chị Trần Thị H1 số tiền 6.000.000 đồng. Chị H1 đã nhận số tiền trên và không yêu cầu các bị can phải bồi thường về dân sự.

Tại Bản án số 395/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vũ Minh T, Nguyễn Thị H, Trần Thị L phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn Đ, Vũ Minh T.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 13 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/01/2023.

Xử phạt Vũ Minh T 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến ngày 27/8/2022.

Xử phạt Nguyễn Thị H 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2023.

Xử phạt Trần Thị L 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến ngày 27/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2024, bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/7/2024, bị cáo Vũ Minh T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt tù, xem xét về tội danh.

Ngày 26/7/2024, bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/7/2024, bị cáo Trần Thị L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Minh T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; các bị cáo khác giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm là đúng và xác định Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” là không oan.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị giảm hình phạt vì mức án nặng, chưa lấy được tiền của bị hại, bị cáo tuổi cao sức yếu.

Bị cáo Vũ Minh T đề nghị giảm hình phạt vì bị cáo vô tình lên giúp H đòi nợ, không am hiểu pháp luật, bị cáo đề xuất đưa ra công an giải quyết, bị cáo tuổi cao, bị bệnh tật sức khỏe yếu, bị cáo tham gia chiến trường Lào được hưởng theo Quyết định 62 của Thủ tướng Chính phủ, bị cáo đã nộp tiền án phí sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị H đề nghị giảm hình phạt vì cho chị H1 vay tiền đòi nhiều lần không trả, liên lạc với chị H1 nhiều lần không được, chị H1 không có khả năng trả tiền, bị bức xúc do mất tiền mà không lấy được, án sơ thẩm xử phạt 07 năm tù là cao, bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm và ủng hộ quỹ khuyến học ở địa phương 2 năm, mẹ đẻ bị liệt, phải nuôi con nhỏ mới 5 tuổi.

Bị cáo Trần Thị L đề nghị giảm hình phạt và hưởng án treo vì không hiểu biết pháp luật, bị cáo có can ngăn các bị cáo khác, bị cáo vay tiền của người khác cho chị H1 vay mà không đòi được, bị cáo có bố là người có công với cách mạng, phải nuôi 2 con nhỏ, bị cáo đã ăn năn hối lỗi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ 13 năm tù, Vũ Minh T 09 năm tù, Nguyễn Thị H 07 năm tù, Trần Thị L 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Vũ Minh T có tình tiết giảm nhẹ mới ở điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Nguyễn Thị H, Trần Thị L có tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo đồng phạm giảm đơn, án sơ thẩm đã đánh giá

đúng vai trò của các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo hưởng án treo của bị cáo Trần Thị L, chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của các bị cáo, giảm cho bị cáo Đ, H, L mỗi bị cáo 6 tháng tù, giảm cho bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ và Vũ Minh T nhất trí tội danh và điều khoản Bộ luật Hình sự áp dụng đối với các bị cáo; nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm mức hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ thấp hơn mức án sơ thẩm đã tuyên, giảm 18 tháng tù cho bị cáo Vũ Minh T.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí tội danh và điều khoản Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo, nhất trí các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 năm tù là nghiêm khắc; đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở điểm a khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo mức thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L nhất trí tội danh và điều khoản Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo, nhất trí các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 05 năm tù là nghiêm khắc; đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở điểm a khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo các bị cáo làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Minh T thay đổi kháng cáo đúng pháp luật, chỉ đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ việc cần tiền để đầu tư kinh doanh tiền kỹ thuật số trên mạng Internet, chị Trần Thị H1 vay của Nguyễn Thị H số tiền 1.200.000.000 đồng, vay của Trần Thị L số tiền 600.000.000 đồng. Do đầu tư, kinh doanh bị thua lỗ nên chị H1 bị mất toàn bộ số tiền đã đầu tư, chưa có tiền để trả nợ cho H và L. Ngày 03/01/2022, H rủ L, Vũ Minh T, Nguyễn Văn Đ và người đàn ông tên Q đi từ thành phố Hải Phòng đến khu đô thị Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia

Lâm, thành phố Hà Nội gặp chị H1 đòi tiền. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Q điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đến khu đô thị Vinhomes Ocean Park rồi đi có việc riêng. Còn H cùng L, T và Đ vào nhà chị H1 tại phòng 2108, toà nhà S2.08 yêu cầu chị H1 phải trả tiền nợ nhưng chị H1 nói không có tiền. Tại phòng ngủ nhà chị H1, Đ và T chửi bới, Đ dùng tay đánh vào đầu chị H1, dọa đưa chị H1 về thành phố Hải Phòng, bắt chị H1 phải trả tiền cho H và L. Sau đó, Đ và T đã túm tóc lôi chị H1 từ phòng ngủ ra khu vực bếp, H ôm chị H1 từ phía sau, L đứng bên cạnh cầm máy điện thoại quay Video Clip. Chị H1 khóc, nói không có tiền để trả thì Đ liên tục to tiếng chửi bới, T giữ còn Đ dùng dao 01 cắt 01 đoạn tóc của chị H1, Đ cầm thanh sắt mài dao đe dọa đánh chị H1, dùng chân phải đạp vào người chị H1, bắt chị H1 phải chuyển khoản trả tiền cho H và L. Sau khi Đ đánh chị H1, H và L tiếp tục đòi tiền. Khi thấy chị H1 không có tiền để trả, Đ cùng T, H và L đã túm tay, đẩy chị H1 ra thang máy, đi ra xe ô tô đưa đến trụ sở Công an xã Đ, huyện G để giải quyết.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thống nhất ý chí đòi nợ bị hại, trong quá trình đòi nợ đã dùng vũ lực đối với bị hại nhằm đòi nợ tổng số tiền 1.800.000.000 đồng (H đòi nợ 1.200.000.000 đồng, L đòi nợ 600.000.000 đồng). Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm hại quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án và hậu quả các bị cáo gây ra, xem xét nhân thân, vai trò của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo Đ, T tự nguyện bồi thường bị hại 6.000.000 đồng; bị cáo T có thời gian tham gia quân đội, hiện đang bị Lao phổi nặng; bị cáo H, L cùng có nhân thân tốt; gia đình bị cáo L có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị hại có lỗi, các tình tiết giảm nhẹ trên được áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ 13 năm tù, Vũ Minh T 09 năm tù, Nguyễn Thị H 07 năm tù, Trần Thị L 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” là phù hợp quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là phù hợp.

Bị cáo Vũ Minh T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới ở điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Bị cáo là người có công với cách

mạng do trong thời gian phục vụ trong quân đội đã đi làm nhiệm vụ quốc tế được hưởng chế độ theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, gia đình bị cáo có công với cách mạng và bị cáo nộp 200.000 đồng thi hành án phí sơ thẩm) nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị L tuy ở cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Bị cáo Nguyễn Thị H nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm và ủng hộ quỹ khuyến học ở địa phương; Bị cáo Trần Thị L ủng hộ quỹ áo ấm cho em, gia đình bị cáo L có công với cách mạng đã được cấp sơ thẩm áp dụng, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở điểm a khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà người bào chữa đề nghị áp dụng) nhưng tình tiết giảm nhẹ trên không đáng kể nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị H và kháng cáo giảm hình phạt, hưởng án treo của bị cáo Trần Thị L.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Trần Thị L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với ba bị cáo này; chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt tù của bị cáo Vũ Minh T, sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

[5] Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm mức hình phạt tù cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Trần Thị L là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trần Thị L, Nguyễn Thị H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Vũ Minh T được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a , b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Trần Thị L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Trần Thị L phạm tội “Cướp tài sản”.

1.1/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/01/2023.

1.2/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị L;

- Xử phạt Nguyễn Thị H 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2023.

- Xử phạt Trần Thị L 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến ngày 27/12/2023.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Minh T (Vũ Văn T) và sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tuyên bố bị cáo Vũ Minh T (Vũ Văn T) phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, x, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Vũ Minh T (Vũ Văn T) 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến ngày 27/8/2022.

3. Xác nhận bị cáo Vũ Minh T (Vũ Văn T) đã nộp 200.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0066901 ngày 20/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp 200.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0066507 ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;

4. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H, Trần Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Vũ Minh T (Vũ Văn T) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam- Công an TP Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo (qua TTG, theo đ.c);
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

